

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp của Ủy ban nhân dân phường Bình Phú
- Tên gói thầu: Mua sắm máy ATM AI thông minh.
- Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND phường Bình Phú.
- Địa điểm thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND phường Bình Phú - 15 Đường Chợ Lớn, Phường Bình Phú, TP. HCM.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu có thể chào hàng hóa có tính chất kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn yêu cầu kỹ thuật theo bảng sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Hệ thống ATM AI thông minh tự động tiếp nhận và trả kết quả	<p>Khung máy và hệ thống khay giá đỡ</p> <p>* Khung máy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước khung máy: D 1500 mm x R 1800 mm x C 2400mm (D: Mặt thao tác, R: Mặt hông máy...) - Hộp 50x50x2mm x 30m - Hộp 60x60x3mm x 9m - Hộp 100x100x3mm x 6m - Chất liệu: thép sơn 2 lớp - Bao che chất liệu: thép sơn tĩnh điện + dày 2 mm <p>* Hệ thống khay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống khay: 60 khay - Kích thước: 340x260x26x2mm - Chất liệu: thép sơn 2 lớp + dày 2 (mm) <p>* Các nắp cửa bên hông và phía sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1600 x 500mm x 3 cửa - Chất liệu: thép sơn tĩnh điện + dày 2 (mm), (cửa có tay cầm, làm bằng thép) <p>Hệ thống truyền động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phân cơ - Motor truyền động - Trình Driver điều khiển - Bộ điều khiển tự động hóa (PLC)

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>Màn hình cảm ứng tương tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 2 - Kích thước: ≥ 15 inch - Độ phân giải: 1024 x 768 - Độ tương phản: 600:1 - Độ sáng: 250 cd/m² - Độ bền 50 triệu lần nhấn <p>Bộ thiết bị điện bảo vệ nguồn (Dòng làm việc: $\geq 40A$; Bảo vệ quá áp khi điện áp trên: AC280V; Bảo vệ thấp áp khi điện áp dưới: AC150; Thời gian cắt: $\leq 1s$), tiếp địa, bộ chia mạng và đèn, bộ lưu trữ điện dự phòng (Công suất: $\geq 1000VA/ 600W$).</p> <p>Các chức năng chính của hệ thống:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Chức năng tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giấy tự động <ul style="list-style-type: none"> - liên tục phục vụ 24/7 - Người dân làm thủ tục và nộp hồ sơ giấy trực tiếp hoặc hồ sơ trực tuyến tại máy. - Người dân nhận hồ sơ kết quả tại máy. 2) Chức năng thực hiện và trả kết quả hồ sơ dịch vụ công trực tuyến và trực tiếp <ul style="list-style-type: none"> - Người dân làm thủ tục bằng cách truy cập cổng dịch vụ công trực tuyến của địa phương/cổng dịch vụ công quốc gia tại máy. - Lựa chọn các thủ tục dịch vụ công theo lĩnh vực. - Người dân nhận kết quả tại máy. 3) Sức chứa hồ sơ của máy: <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ nhận: 100 hồ sơ, Hồ sơ kết quả: 60 hồ sơ (Có thể thay đổi sức chứa hồ sơ). - Hệ thống tự động nhắn tin cho bộ phận phụ trách để chuyển hồ sơ quá hạn vào bộ phận 01 cửa. Cho phép tùy chỉnh thời gian quá hạn trả hồ sơ kết quả tại máy. 4) Thu phí bằng tiền mặt: <ul style="list-style-type: none"> - Thu phí với nhiều mệnh giá từ 5.000 đến 200.000 VNĐ. - Tùy vào từng loại hồ sơ: Có thể thu phí trước hoặc thu phí sau khi trả hồ sơ. - Có trả tiền thừa - khay chứa: 200 tờ tiền. 5) Thanh toán online bằng mã QR code <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép thanh toán nhanh chóng qua App Mobile ngân hàng bằng Scan QR code.

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng đọc mã vạch bị mờ xước, nhãn mã vạch nhỏ. 6) Chức năng kết nối phần mềm bộ phận 01 cửa <ul style="list-style-type: none"> - Truy vấn và cập nhật thông tin hồ sơ DVC trả qua máy. - Thông kê báo cáo, cập nhật các hồ sơ làm tại máy vào chung dữ liệu với phần mềm bộ phận 01 cửa. - Truy vấn thông tin liên quan đến thủ tục người dân đang làm. - Nhận diện khuôn mặt <ul style="list-style-type: none"> + Camera AI nhận diện khuôn mặt (Độ phân giải camera: ≥ 2 MP; Khoảng cách nhận diện: 0,3 - 3 mét; Thời gian nhận diện: $< 0,2$ giây; Độ chính xác: $\geq 99\%$) - So trùng giữa lần nộp hồ sơ và lần trả hồ sơ. - Áp dụng cho các thủ tục mang tính pháp lý cao. 7) Tra cứu danh mục thủ tục bằng AI <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các chức năng cần tra cứu, tìm kiếm - Thành phần hồ sơ, thủ tục, mẫu đơn,... 8) Nhận dạng hồ sơ <ul style="list-style-type: none"> - Quét thông tin hồ sơ, ghi nhận các thông tin quét được để hỗ trợ quá trình làm thủ tục hoặc tra cứu. - Lưu file scan và upload lên cổng DVC. - Camera hỗ trợ scan và nhận dạng văn bản (Cảm biến: CMOS ≥ 2MP; Hình ảnh chất lượng cao với độ phân giải $\geq 1920 \times 1080$) 9) Cho phép In mẫu tiếp nhận và biên nhận <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài các mẫu theo yêu cầu của thủ tục, có thể bổ sung thêm các nội dung khác tùy theo yêu cầu. - Độ nét in: $\geq 600 \times 600$ dpi 10) Phát hành biên lai điện tử Phát hành biên lai điện tử khi hoàn tất thủ tục (trả kết quả). 11) Đảm bảo thông tin chính xác – kịp thời <ul style="list-style-type: none"> - Nhắn tin OTP để xác nhận khi người dân đến lấy hồ sơ. - Nhắn tin báo tình trạng xử lý hồ sơ. - Báo thông tin biên lai điện tử, thanh toán, v.v. 12) Cung cấp thông tin tuyên truyền <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước. - Tra cứu các văn bản, pháp luật.

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>13) Chức năng thống kê và quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các báo cáo thống kê: số lượng nhận – trả, thời gian xử lý,... - Quản trị các tham số của hệ thống: danh sách thủ tục, tham số kết nối. - Truy vấn thông tin liên quan đến thủ tục người dân đang làm. <p>14) Tra cứu thông tin quy hoạch (Nâng cấp Giai đoạn 02)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân có thể tra cứu các thông tin quy hoạch của địa phương tại máy. <p>15) Khảo sát sự hài lòng của người dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí: theo lượt thực hiện thủ tục, theo chuyên viên. - Có thể liên kết với công đánh giá của địa phương/công dịch vụ công quốc gia. <p>16) Hỗ trợ hướng dẫn trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn – nhắc nhở bằng âm thanh. - Hướng dẫn bằng video. <p>17) Chức năng nhận thẻ Căn cước trực tiếp tại máy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thực hiện thao tác để nhận thẻ Căn cước ngay trên máy. - Nhận trả dễ dàng, không mất nhiều thời gian. <p>18) Tra cứu thông tin cần thiết khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu hồ sơ - Tra cứu thủ tục - Tra cứu văn bản

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu sau:

- + Đối với hàng hóa nhập khẩu (Bản gốc hoặc bản sao y): Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ).
- + Đối với hàng hóa sản xuất trong nước (Bản gốc hoặc bản sao y): Giấy chứng nhận chất lượng (hợp chuẩn, hợp quy...) được cơ quan có thẩm quyền cấp cho đơn vị sản xuất.

- Nhà thầu cam kết tất cả hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025 trở về sau, được bảo hành chính hãng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

- Nhà thầu cam kết cung cấp và lắp đặt hoàn thiện hệ thống, đào tạo và hướng dẫn sử dụng cho người dùng, đảm bảo các cán bộ kỹ thuật được giao quản lý hệ thống thiết bị có thể vận hành thành thạo sau khi được bàn giao.

- Nhà thầu cam kết đến trình bày chi tiết các giải pháp kết nối hệ thống thiết bị, phần mềm khi có yêu cầu của chủ đầu tư để làm rõ khả năng đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu kỹ thuật tại Mục 1.2 Chương V của E-HSMT.

- Nhà thầu cam kết phần mềm do Nhà thầu cung cấp trong phạm vi gói thầu không vi phạm bản quyền tác giả và quyền sở hữu trí tuệ.

- Nhà thầu cam kết đã hiểu rõ các yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (Mục 3 - Chương III, Chương V). Trường hợp xảy ra bất kỳ sai sót nào do không hiểu rõ các yêu cầu kỹ thuật thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

- Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất hàng hóa, nhà thầu chứng minh năng lực sản xuất của hàng hoá tương ứng theo một trong những cách thức sau:

- + Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu là $Y1 = 1,5 \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30/\text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$ hoặc
- + Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu là $Y2 = 1,5 \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 365/\text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$.
- + Năng lực sản xuất hàng hoá của nhà thầu được xem là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT khi nhà thầu chứng minh được năng lực sản xuất của từng hàng hoá dự thầu tương ứng $\geq Y1$ hoặc $Y2$. Nếu năng lực sản xuất hàng hoá của nhà thầu có giá trị $< Y1$ hoặc $Y2$ thì sẽ được đánh giá là không đạt theo yêu cầu của E-HSMT.

- Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSMT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Không áp dụng.